

VỀ GIÁ TRỊ MỘC BẢN CHÙA BỔ ĐÀ (BẮC GIANG)

NGUYỄN Ứ*
*

TÓM TẮT

Chùa Bồ Đà trung tâm văn hóa Phật giáo, tín ngưỡng của khu vực, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Phật giáo và tín ngưỡng của người Việt trong lịch sử. Trong chùa, hiện còn lưu giữ được gần 2000 mộc bản, với niên đại từ thế kỷ XVIII trở về sau. Đó là một di sản tư liệu có giá trị đặc biệt, phản ánh nhiều mặt về đời sống văn hóa dân tộc nói chung và của văn hóa Phật giáo nói riêng.

Từ khóa: mộc bản; chùa Bồ Đà.

ABSTRACT

Bo Da Pagoda - used to be a centre of Buddhist culture and beliefs of the region - had a strong influence on Buddhism and belief of the Viet people in history. In the pagoda, it is preserved nearly 2,000 woodblocks, dating from the eighteenth century onwards. This documentary heritage has special value, reflected in many aspects of the cultural life of the nation in general and Buddhist culture in particular.

Key words: woodblock; Bo Da Pagoda.

Chùa Bồ Đà vốn có tên gốc là Tứ Ân thiên tự. Bồ Đà là cách gọi tên chùa theo địa danh phát tích của Quan Âm (Bồ Đà sơn). Trước khi được trùng tu và xây lớn với quy mô như ngày nay, thì chùa vốn là một am nhỏ thờ Quan Âm trên lưng chừng núi Phượng Hoàng, mà ngày nay, vẫn còn dấu tích. Sang thế kỷ XVIII, năm 1720, thiền sư Phạm Kim Hưng (Tĩnh Ảnh) xuất gia theo Phật, đã về đây gây dựng chùa Bồ Đà. Trên nền tín ngưỡng bản địa đã có sẵn am thờ Quan Âm, ông mở rộng quy mô dựng xây chùa Bồ Đà. Ông là đệ tử dòng Lâm Tế (được truyền từ thiền sư Chuyết Chuyết), đã kế thừa tông phong đương thời từ thiền sư Chân Nguyên để phát triển Bồ Đà thành một sơn môn lớn ở miền Bắc, cùng nhiều đệ tử tổ chức san khắc, ấn tống kinh sách, đặc biệt, còn diễn Nôm quy nghi và nhiều kinh sách để phục vụ cho việc đào tạo tăng tài¹. Từ đó, Bồ Đà cùng với các chùa trong sơn môn, như Yên Ninh (Hải Dương) có sự liên kết để khắc ván và ấn tống kinh sách, khiến cho pháp mạch được lưu chuyển tới nhiều chùa ở miền Bắc nước ta...

Hiện nay, trong chùa Bồ Đà còn lưu giữ được gần 2000 mộc bản (ván) khắc chữ Hán - Nôm - Phạn, tương ứng với khoảng 7000 trang sách in,

chủ yếu gắn với kinh điển và nghi thức Phật giáo, có niên đại từ thế kỷ XVIII trở về sau. Qua sơ bộ kiểm kê, phân loại (xem thêm phần Phụ lục), có thể nhận thấy, đây là một di sản tư liệu có giá trị đặc biệt, phản ánh nhiều mặt về đời sống văn hóa dân tộc nói chung và của văn hóa Phật giáo nói riêng.

Về giá trị tư tưởng:

Bồ Đà là tổ đình có truyền thống khắc in kinh từ khá sớm nhằm phục vụ mục đích truyền giáo của sơn môn. Việc tổ chức khắc in đã mang tính chuyên nghiệp, có sự liên kết, liên thông với các chùa ở trong và ngoài sơn môn. Bên cạnh kinh điển Phật giáo (chữ Hán), các tăng nhân còn diễn Nôm hoặc in khắc các tác phẩm chữ Nôm. Trong kho ván khắc chùa Bồ Đà có ít nhất 7 tác phẩm bằng chữ Nôm - Đây là số lượng không nhỏ trong tổng hệ văn bản được khắc in tại đây.

Kinh sách Phật giáo là phương tiện truyền tải giáo lý và hệ tư tưởng tôn giáo. Qua nội dung mộc bản chùa Bồ Đà, chúng ta cũng thấy được phần nào sự dịch chuyển về tư tưởng Phật giáo trên phương diện văn hóa. Lâm Tế là một trong những thiền phái hưng thịnh dưới thời Lê Trung hưng và phát triển mạnh mẽ ở các giai đoạn sau. Bồ Đà là một tổ đình thuộc thiền phái này nên những vấn đề liên quan tới văn hóa và tư tưởng được thể

* Viện nghiên cứu Tôn giáo

hiện qua mộc bản chủ yếu ở phương diện tu hành và truyền giáo, thực hành tôn giáo, tín ngưỡng, mà nổi lên là dòng tư tưởng Thiền - Tịnh - Mật. Trong kho mộc bản san khắc tại chùa Bồ Đà, có các bộ kinh Đại thừa, như Kim cương, Bát nhã... Ngoài ra, còn có những tác phẩm Nôm có giá trị cao về lịch sử tư tưởng, như Phật tâm luận. Đây là tác phẩm riêng của sư tổ chùa Bồ Đà, luận về chữ Tâm trong Phật giáo. Phật tâm luận cũng như nhiều tác phẩm chữ Nôm về Uy nghi quốc ngữ khác đều mang những giá trị riêng mà chỉ chùa Bồ Đà còn lưu giữ được.

Ngoài ra, hệ thống bùa chú mang màu sắc Đạo giáo hay Mật giáo cũng được chùa Bồ Đà san khắc dưới dạng đơn nguyên hoặc tổng hợp thành sách. Các sách khuyến tu Tịnh độ cho thấy sự phát triển của hệ tư tưởng này trong lịch sử Phật giáo Việt Nam - Đến thời Lê Trung hưng, hệ tư tưởng này tiếp tục có những bước phát triển, bởi hệ thống thư tịch được sưu tập, san khắc, phổ biến rộng hơn, khuyến khích con người làm điều thiện và hướng về thế giới Tây phương.

Như vậy, trên mọi phương diện của đời sống văn hóa xã hội, đặc biệt là phương diện tư tưởng, ván khắc chùa Bồ Đà đã để lại những giá trị to lớn về tư tưởng Phật giáo Việt Nam.

Về giá trị văn học:

Nội dung mà mộc bản trong các chùa truyền tải còn mang giá trị văn học. Trong các ván khắc, có thơ, văn, bài tựa, lời dẫn, bài bạt... gắn với nhiều thể loại văn chương. Trong đó, các bài kệ là dạng thơ khúc chiết, mang màu sắc uyên áo của ngôn ngữ - các điển ngôn ẩn ngữ trong kinh sách Phật giáo cũng được hiển hiện trên từng con chữ trong mộc bản. Đặc biệt, các bài bạt trong kinh sách có giá trị văn chương rất cao, gắn với tư tưởng Phật giáo trong từng giai đoạn, những giá trị được lựa chọn, tư tưởng của tầng sĩ người Việt đương thời. Vạn thiện đồng quy, Lăng nghiêm kinh chính mạch, Di Đà kinh,... đều có các bài bạt, bài tựa. Trong đó, Lăng nghiêm kinh chính mạch được Thích Quảng Thích Điều Điều soạn bài tựa và biên tập lại cho lần khắc ván tại chùa Bồ Đà, đến nay ván vẫn còn nguyên và sách in ra còn được lưu thông trong nhiều chùa và thư viện. Ngoài các văn bản chữ Hán, còn có một số văn bản diễn Nôm có giá trị. Những bản uy nghi được diễn Nôm bởi các tổ sư dòng thiền cũng được thể hiện trên hệ thống mộc bản này.

Về các tác phẩm Nôm, bản giải âm, diễn giảng - Tính Ánh, tổ khai sơn chùa Bồ Đà diễn giảng Uy nghi quốc âm, Như Trùng Lân Giác với Sa di quốc âm, Quốc âm ngũ giới... Đó là những tác phẩm văn học có giá trị trong việc nghiên cứu lịch sử văn học trung đại của người Việt. Mộc bản chùa Bồ Đà tiêu biểu cho hệ thống mộc bản trong các tự viện của người Việt về tính chất văn học hiển hiện trên đa tầng văn hóa. Việc sử dụng nó không bị gián đoạn khi chữ Hán dừng vai trò của mình trên phương diện quan phương. Năm 2004, tổ chùa Bồ Đà là hòa thượng Thích Quảng Luân viên tịch, các đệ tử đã in ấn một bản kinh trong chùa thành nhiều bản để cúng dàng chư tăng. Việc cúng dàng năm đó là dùng bản photo, sau này, chùa Khuyến Lương lên Bồ Đà in bản Chư kinh nhật tụng để cúng dàng chư tăng, bản in giấy dó, với hàng trăm bản in. Thông qua sự việc trên, cũng cho thấy, việc in kinh sách trong chùa không đơn thuần chỉ phục vụ cho việc đọc, tụng tại chỗ, mà còn để cúng dàng chư tăng, ni vân tập trong chùa nào đó khi có công việc mà không nhất thiết chỉ ở ngôi chùa chứa ván khắc. Việc in ấn mang tính phổ quát này tồn tại trong nhiều chùa ở Việt Nam và diễn ra khá phổ biến trong khoảng cuối thế kỉ XIX - nửa đầu thế kỉ XX. Thậm chí, việc này cũng khá phổ biến đối với các kho ván trong đền, miếu, phủ...

Chùa Bồ Đà là sơn môn lớn, cũng là trường hạ của tăng, ni vùng phụ cận. Do đó, việc in kinh sách trước hết là để phục vụ việc học tập, giảng kinh thuyết nghĩa tại chùa. Chùa Bồ Đà gần như là một không gian khép kín. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chư tăng của chùa đã tích cực nhập ngũ, tham chiến trong nhiều chiến trường, theo thời gian, chùa ngày càng gần dân, đạo và đời ngày càng hòa nhập. Dù là trường hạ nhưng việc in ấn trong chùa ngày càng được rộng mở hơn. Đặc biệt, các bộ ván, như bùa cầu an, lục thủ được in trên lụa hoặc trên giấy, luôn được bán hoặc phát cho dân dùng trong tín ngưỡng văn hóa dân gian của làng xã. Bùa bình an để trong nhà mong sự bình an, trừ tà, mang lại điềm lành... Điều này góp phần khẳng định vai trò của mộc bản trong việc duy trì và thực hành tín ngưỡng, tôn giáo trong xã hội Việt từ thời quân chủ đến nay...

Bản thân mộc bản in kinh cũng có ý nghĩa như "Pháp bảo" của nhà Phật. Kinh sách lưu truyền khiến cho đạo Phật được lan tỏa, tín tâm được nâng cao, nhân quả được tin tưởng, đó là vị trí của mộc bản

trong đời sống văn hóa tín ngưỡng, với đời sống và lịch sử văn hóa ở Việt Nam. Đồng hành cùng Bồ Đà, chùa Yên Ninh cũng đã trở thành chốn tổ và tạo nên những ảnh hưởng lớn mạnh với Phật giáo đương thời. Sự tương giao giữa các tự viện mang tính phổ biến, khiến cho Phật giáo có thể phát triển một cách rộng rãi hơn.

Về giá trị thư tịch:

Mộc bản cũng gắn liền với tiến trình lịch sử của đất nước, có lúc thăng lúc trầm, thậm chí trải qua thiên tai nhân họa, hoặc sự biến đổi khi trùng tu xây dựng, thậm chí, quá trình thay đổi trụ trì cũng có thể dẫn tới sự thay đổi nhất định về mặt văn hóa của mộc bản. Do đó, có thể nhận thấy, quá trình phát triển của Phật giáo gắn liền với quá trình phát triển của thư tịch.

Kho mộc bản ở chùa Bồ Đà chủ yếu gắn với các bộ kinh sách của Phật giáo Đại thừa. Đặc biệt, còn có một số bản Nôm hoặc phiên dịch Nôm, một số văn bản Hán văn của người Việt. *Hộ Pháp luận* là tác phẩm diễn giảng Nôm bởi Phúc Điền hòa thượng, được khắc in ở chùa Đại Giác (Bắc Ninh). Tuy nhiên, ván khắc hiện còn đầy đủ lại được lưu tại chùa Bồ Đà, với bản phủ bản khắc kinh. Ngoài ra, còn nhiều văn bản diễn Nôm từ thế kỷ XVIII - XIX, như Sa di quốc âm, Sa di ni uy nghi, Sự lí dung thông... Bên cạnh đó, còn có những bản Hán văn rất quan trọng, ghi chép về lịch sử, tư tưởng của Phật giáo nước ta, như Khoa cúng tổ chùa Bồ Đà, *Phật tâm luận* của Tuệ Không (1881) - Đó là những tác phẩm quan trọng của chùa Bồ Đà nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung.

Hệ thống ván khắc mang tính chất đặc biệt của truyền thống in ấn kinh sách người Việt. Trong tổng thể thư tịch được in ấn của tam giáo (Nho - Phật - Đạo), thì các tác phẩm Phật giáo đến nay còn lại khá nhiều. Ván mất hư hỏng có thể được bổ sung. Kinh có thể phủ bản để khắc in lại. Điều đó cho thấy, sự



Mộc bản chùa Bồ Đà (Bắc Giang) - Ảnh: Tác giả

kế thừa và chuyển tiếp kinh sách trong các chùa thông qua hình thức khắc mới và ấn tống. Đến nay, qua hệ thống kinh sách và ván khắc hiện còn ở các chùa, chúng ta có thể thấy được phần nào sự dịch chuyển các trung tâm in ấn, sự phát triển của Phật giáo. Tuy nhiên, ván khắc ở các chùa hiện tại đa phần là tàn khuyết, đây cũng là đặc tính chung của kinh sách Phật giáo được in từ mộc bản hiện nay. Các chùa hiện còn giữ được nhiều ván là Bồ Đà, Vĩnh Nghiêm, Hòe Nhai, Liên Phái, Hoa Lâm, Yên Ninh. Chùa Hoa Lâm (Khê Hối) tuy còn giữ được mấy bộ kinh, nhưng ván khắc chỉ còn vài trăm tấm. Chùa Hòe Nhai và chùa Bà Đá hiện còn khá nhiều ván nhưng cũng không được nguyên vẹn.

Mộc bản ở nước ta nói chung, phần lớn có niên trong khoảng thế kỉ XIX. Đây là giai đoạn có nhiều sự biến động từ chính trị đến văn hóa. Trước thời Nguyễn, các chùa ở nước ta cũng in nhiều kinh sách, nhưng chủ yếu tập trung ở miền Bắc. Sau đó, nhiều chùa có điều kiện, đã trở thành một nhà in thu nhỏ. Và, tín ngưỡng, lễ nghi cũng đồng hành với sự phát triển của thư tịch trong các chùa chiền.

Ngày nay, chúng ta chỉ gặp một số lượng nhỏ chùa chiền còn lưu được mộc bản, nhưng theo thống kê, nghiên cứu của giới học giả thì số lượng trung tâm chứa ván khắc có thể lên đến gần 400 cơ sở. Tuy nhiên, đây mới chỉ là con số thống kê địa điểm tàng bản chủ yếu ở miền Bắc. Trên thực tế, nhiều chùa gần nhau vẫn có thể cùng in ấn kinh sách và thường quan tâm tới nội dung khác nhau. Nhưng, cũng có khi, hai chùa gần nhau vẫn có ván khắc giống nhau, như chùa Bà Đá và chùa Hòe Nhai. Đương nhiên, cách nhìn địa lý ngày nay khác ngày xưa, nhưng với sơn môn được nối kết như mạng lưới, khoảng cách giữa các chùa không phải là vấn đề quan trọng. Mộc bản được tàng trữ và trở thành "Pháp bảo" trong chùa. Tàng kinh các là nơi chứa sách cũng là nơi chứa ván - Đó là truyền thống trong chùa chiền không chỉ ở nước ta. Chùa Bồ Đà có lịch sử mấy trăm năm san khắc mộc bản, lưu giữ trong chùa nhiều "Pháp bảo" của nhà Phật - Mỗi mộc bản đều hàm chứa những giá trị văn hóa, tư tưởng của con người, của đạo Phật, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống văn hóa trong và ngoài chùa. Mộc bản mang lại sự tin tưởng cho người dân về sự phồn thịnh và mạch truyền của Phật pháp tại bản địa. Mặt khác, tín ngưỡng, tín tâm vào đạo pháp khiến cho phong tục làng xã ngày một thuần hậu hơn

Như vậy, chùa Bồ Đà trung tâm văn hóa Phật giáo, tín ngưỡng của một vùng rộng lớn, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Phật giáo và tín ngưỡng của người Việt trong lịch sử. Sự tồn tại của kho mộc bản

cùng những giá trị liên quan là một trong những minh chứng sinh động cho nhận định này. Đây là một di sản tư liệu quý giá, cần có kế hoạch khoa học nhằm bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị trong cuộc sống đương đại./.

N.Đ

Chú thích:

1- Theo thượng toạ Thích Tục Vinh, thời điểm khắc in vào khoảng những năm 1741, tuy nhiên, chúng tôi chưa thể khẳng định được thời điểm này có thực sự chính xác hay không.

2- Số trang tính trên thực tế, mỗi ván thường khắc 2 mặt: 1 mặt 2 trang; có ván khắc 1 mặt.

Tài liệu tham khảo:

1- *Chùa Vinh Nghiêm*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Giang, 2015.

2- *Đại Việt sử kí toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 1998.

3- Kỷ yếu Hội thảo khoa học Chùa Vinh Nghiêm Bắc Giang và thiền phái Trúc Lâm trong quá trình phát triển của Phật giáo Việt Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Giang, 2011.

4- Kỷ yếu Hội thảo khoa học Giá trị các mặt của di sản mộc bản chùa Vinh Nghiêm và chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang, bản thảo của viện Nghiên cứu Tôn giáo, H, 2016.

5- Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Giá trị mộc bản chùa Vinh Nghiêm và chùa Bồ Đà gắn với phát triển bền vững (bản thảo), Bắc Giang, 2016.

6- Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn Học, H, 2010.

7- *Tạp san Liễu quán*, tháng 5 năm 2015, chuyên đề Di sản mộc bản Phật giáo Huế.

8- *Tạp san Suối nguồn*, số 17, tháng 05, năm 2015.

9- *Thống tích Bồ Đà*, Ban Quản lý Di tích tỉnh Bắc Giang, 2014.

10- *Thiền uyển truyền đăng lục*, Vh.v.9, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

11- Tư liệu ván khắc chùa Bồ Đà

12- Tư liệu ván khắc chùa Vinh Nghiêm.

(Ngày nhận bài: 01/11/2016; ngày phản biện đánh giá: 09/11/2016; ngày duyệt đăng bài: 11/11/2016).

Phụ lục 1: Một số bộ ván in chính ở chùa Bồ Đà

STT	Loại	Ghi chú
1.	Chư kinh nhật tụng	A Di Đà kinh, Bát nhã kinh, Cảnh sách, Đại bi chú, Kim cương kinh...
2.	Thủy lục chư khoa	Thí thực khoa, Thỉnh Phật khoa, Thập cúng khoa...
3.	Cúng tổ khoa	Hai khoa cúng tháp và cúng tổ
4.	Đại tạng kinh	Các bộ kinh, luật, luận: Tây phương hợp luận - Tứ phần luật, Vạn thiện đồng quy, Nam hải kí quy, Lăng nghiêm kinh...
5.	Biên soạn	Các tác phẩm Nôm hoặc Hán do người Việt biên soạn: Uy nghi quốc âm, Sa di quốc âm, Sự lí dung thông, Bát kinh...
6.	Tôn nghi	Lục thủ hải hội, Phương danh và tản mạn

Phụ lục 2: Thống kê sơ bộ về mộc bản chùa Bồ Đà

STT	Tên sách	Số trang ²	Văn tự	Ghi chú
1.	A di đà kinh (阿彌陀經)	20	Hán	Không ghi niên đại, gồm 1 quyển, 10 mặt khắc.
2.	Bát kính pháp phương ngôn (捌敬法方言)	10	Nôm	Bản khắc niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 5 [1744] 4 mặt khắc: mặt khắc tựa và mặt khắc 1, 3, 4; chữ Nôm. Phiên Nôm tám điều quy riêng cho ni giới. Ngoài ra, còn có thêm phần kệ niệm Phật ở phần sau.
3.	Bát nhã kinh (般若經)	4	Hán	Bản dịch của Huyền Trang (602 - 664), Niên đại: không ghi. Số quyển: 01 quyển.
4.	Cảnh sách (警策)	8	Hán, Nôm	Sách bao gồm: Bệnh đường cảnh sách, Lão đường cảnh sách.
5.	Đại bi thập chú (大悲十咒)	6	Hán	Toàn cuốn là 12 trang, nhưng hiện tại chỉ còn 6 trang, gồm hai phần Đại bi và Thập chú (Mười bài kinh thường nhật).
6.	Chú thực khoa (咒食科)	18	Hán	<i>Chú thực khoa</i> ghi chép về nghi thức và các bài tán, tụng, khải, sớ, bạch..., dùng trong khoa Lễ Sư tổ của chùa.
7.	Chứng san (證刪)	2	Hán	Ghi tên những người cúng dường trong việc in khắc kinh.
8.	Chuyển luân khoa (轉輪科)	32	Hán	Đức Hợp 德合 - Cựu Trụ trì chùa Đại Bi 大悲 biên soạn.
9.	Cúng tổ sư khoa (供祖師科)	56	Hán	Tác giả là Tính Định 性定, chùa Quỳnh Lâm 瓊林, núi Tiên Du 仙游 soạn. Tỳ kheo Hải Thiếp Thích Thời Năng 釋時能 viết bạt năm Lê Cảnh Hưng 景興 thứ 31 (1770). 01 quyển. 28 mặt khắc. Sách gồm 2 phần: phần 1: <i>Cúng tổ sư khoa</i> ; phần 2: <i>Cúng long quang tháp khoa</i> .
10.	Dự nhiếp linh khoa (預攝靈科)	10	Hán	01 quyển, 6 mặt khắc, là khoa cúng trong các khoá lễ cầu siêu.
11.	Đại bi thần chú (大悲神咒)	6	Hán	01 quyển, 6 mặt khắc: từ mặt khắc 1 đến mặt khắc 6 (sách đủ). Kết cấu sách gồm 2 phần: <i>Đại bi thần chú</i> : có 3 mặt khắc, từ mặt khắc 1 đến mặt khắc 3. <i>Đại bi thập chú</i> ghi chép 10 chú.
12.	Giải kết khoa (解結科)	20	Hán	01 quyển, 10 mặt khắc. <i>Giải kết khoa</i> ghi chép phép thuật thuyết pháp, giúp chúng sinh dứt bỏ tà vọng, sáng tỏ chân thực, giải bỏ sự phiền não mà con người bị trói buộc trong cõi sinh tử.
13.	Hành trì mật chỉ (行持密旨)	14	6 trang đầu chữ Hán; 8 trang sau chữ Nôm	01 quyển, 7 mặt khắc <i>Hành trì mật chỉ</i> , viết về pháp (phương pháp) giữ gìn cho tâm an định, không xao động do môi trường, tự thân, tâm, ý tạo ra trong thiền định.
14.	Kim cương kinh (金剛經)	56	Hán	01 quyển, 28 mặt khắc: từ mặt khắc 1 đến mặt khắc 28 (sách đủ trọn bộ).
15.	Lăng nghiêm chính mạch (楞嚴正脉)	1080	Hán	12 quyển, từ quyển 1 - quyển 10, 1 quyển Tựa, 1 quyển Tựa trùng san, 1 quyển tân tựa (4 trang)...

				<i>Tác giả:</i> Thích Chân Giám 釋真鑑 đời Minh thuật. Sa môn Thích Chân Giám 沙門釋真鑑 viết lời bạt (1600), 14 quyển, 585 mặt khắc bản <i>Chinh mạch</i> , là bản chú giải hoàn thiện nhất, trình bày rõ nhất, nêu ra chính kiến, làm sáng tỏ nghĩa kinh Lăng nghiêm.
16.	Lăng nghiêm chính mạch huyền thị (楞嚴正脉懸示)	90	Hán	Giải về cách dùng kinh Lăng nghiêm.
17.	Lễ Phật nghi (禮佛儀)	6	Hán	Ghi chép những quy định, nghi thức trong lễ Phật.
18.	Lục thù hải hội	10	Hán, Phạn	Bùa chú dùng để yểm ở ngoài quan tài người chết. Gồm 10 hình, trong đó có một số lá bùa hình thanh long, bạch hổ, chu tước và huyền vũ.
19.	Nam hải kí quy nội pháp truyền (南海寄歸內法傳)	244	Hán	4 quyển: quyển 2, quyển 3, quyển 4, quyển Tựa dẫn <i>Tác giả:</i> Nghĩa Tịnh 義淨 đời Đường soạn; Luân Hựu, Liễu A, Trinh Chuẩn hiệu chỉnh năm Kỷ Sửu (1709). <i>Niên đại:</i> Đại Đường. Mộc bản được khắc lại vào năm Bảo Đại (1929).
20.	Nghinh sư khoa (迎師科)	18	Hán	9 mặt khắc. Nội dung sách quy định rõ việc tiếp đón các vị sư trong khi thực hiện Phật sự.
21.	Ngũ gia tông phái (五家宗派)	39	Hán	<i>Tác giả:</i> Thiên tăng Vân Dĩnh 雲郢 đời Tống biên soạn, Sa môn Thanh Lăng viết lời dẫn, 01 quyển, 20 mặt khắc.
22.	Phật tâm luận (佛心論)	142	Hán	01 quyển, 71 mặt khắc. Sa môn Tuệ Không 沙門慧空, chùa Bồ Đà 補陀 khắc vào năm Tự Đức thứ 34 (1880). <i>Phật tâm luận</i> 佛心論: Ghi chép lời bàn luận về triết lý "Phật tại tâm".
23.	Phát tấu khoa (發奏科)	17	Hán	Khoa cúng
24.	Phổ môn kinh (譜門經)	22	Hán	<i>Phổ môn kinh</i> là kinh vấn đáp về Quan Thế Âm.
25.	Danh (名)	12		06 mặt khắc. Ghi tên và pháp danh của những người trong các xã, thôn thuộc phủ đã đóng góp công đức cho chùa Bồ Đà in kinh.
26.	Quốc âm ngũ giới (國音五戒)	10	Nôm	<i>Quốc âm ngũ giới</i> là 5 giới tại gia giảng bằng chữ Nôm.
27.	Quốc âm thập giới (國音什戒)	10	Nôm	Mười giới cấm hạnh mà Sa di phải tuân theo được phiên ra chữ Nôm.
28.	Quy nguyên trực chỉ (歸元直指)	494	Hán	7 quyển: Thượng (140 trang), Trung (148), Hạ (176), Mục lục (8 trang), Tựa 1 (8 trang), Tựa 2 (4 trang), Tựa 3 (10 trang) <i>Tác giả:</i> Bạch Liên tiểu sĩ 白蓮小士 soạn năm Minh Mạng 4 (1823). Nội dung: khuyên người tu tập, làm lành lánh dữ, niệm Phật cầu vãng sinh
29.	Sa di ni uy nghi quốc âm (沙彌尼威儀國音)	14	Nôm	Phiên Nôm luận dành riêng cho Sa di ni
30.	Sám hối văn (懺悔文)	30	Hán	<i>Sám hối văn</i> gồm các bài văn sám hối trước đức Phật.
31.	San bồ thụ chư giới	198	Hán	Phổ Tiên 普進 viết lời dẫn năm Tự Đức 嗣德

	đàn - ni tập (刪補受諸戒壇)			thứ 34 (1881). <i>San bồ thụ chư giới đàn</i> ghi lại những quy thức truyền thụ pháp giới cho ni.
32.	Sự lí dung thông (事理融通)	12	Nôm	Tác giả: Hương Hải Thiền sư (香海, 1728-1715). Nội dung nói về sự hòa hợp và tương đồng của Tam giáo: Nho - Phật - Đạo.
33.	Tây phương công cứ (西方公據)	52	Hán	Đây là bộ sách luận in nguyên văn từ văn bản <i>Tục đại tạng kinh</i> . Sách được Bành Tế Hạnh biên soạn vào thời Thanh
34.	Tây phương hợp luận (西方合論)	296	Hán	6 quyển, quyển Tựa: 16 trang, quyển 9: 66 trang, quyển Mục lục: 16 trang, Quyển 2: 52 trang, quyển 3: 76 trang, quyển 10: 70 trang. Viên Hoành Đạo 袁宏道 đời Minh soạn năm Vạn Lịch 萬曆 27 (1599), 13 quyển, 154 mặt khắc.
35.	Tây phương nguyện văn (西方願文)	5	Hán	<i>Tây Phương nguyện văn</i> là bài văn thể hiện những điều người tu hành cần làm trong quá trình tu.
36.	Thập cúng khoa (十供科)	16	Hán	Ghi chép các bài văn cúng Phật, gồm kinh, kệ, tụng, xướng, dùng trong khoa cúng Phật.
37.	Thi thực nghi (施食儀)	8	Hán	Quy định về việc thụ trai của tăng, ni.
38.	Thỉnh Phật khoa (請佛科)	46	Hán	Bài văn cung thỉnh (mời) chư Phật.
39.	Triệu linh khoa (召靈科)	9	Hán	Khoa cúng trong các đàn lễ cầu siêu.
40.	Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma (四分律刪補隨機羯磨)	234	Hán	Đạo Tuyên 道宣 đời Đường biên soạn, Khắc ở Đại tạng đô giám nước Cao Ly vào năm Giáp Thìn, 03 quyển. 117 mặt khắc.
41.	Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma chú sớ kí hội khắc (四分律刪補隨基羯磨註疏記會刻)	1300	Hán	24 quyển, <i>Tứ phần luật</i> 四分律 là 1 trong 4 Luật tạng bộ, do Đàm Vô Đức 曇無德 lựa chọn những điều hợp với ý kiến của mình trong Luật tạng của Thượng tọa bộ, để biên tập thành văn.
42.	Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết ma sơ khoa (四分律刪補隨機羯磨疏科)	678	Hán	Sa môn Thích Nguyên Chiếu (釋元照) ở quận Dur Hàng chép. Sách khảo chứng, giải thích rõ thêm một trong bốn Luật tạng của Thượng tọa bộ, về những nguyên tắc trong Phật pháp mà người tu hành phải thực hiện.
43.	Uy nghi quốc ngữ (威儀國語)	22	Nôm	Không rõ năm khắc. Nội dung sách diễn giảng bằng hình thức thơ lục bát để mọi người dễ thuộc, dễ nhớ các nghi thức của người tu hành. Văn bản do Như Thị hòa thượng Tính Ánh, là khai sơn chùa Bồ Đà diễn Nôm.
44.	Vạn thiện đồng quy (萬善同歸)	400	Hán	Do Trí Giác biên soạn vào thời Minh. San khắc ngày 24 tháng 1 năm Ất Mùi, năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775). Gồm 6 quyển, tính cả Tựa, dẫn, danh, tổng cộng 198 mặt khắc.
45.	Phân tồn nghi	212	Hán	7 quyển, nội dung xoay quanh như sớ, bài tựa và bùa yểm... nhưng không đầy đủ, không có tên tài liệu nên tạm thời không xếp vào bộ nào.